

**HTOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐÔN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số:15/2020/DS-ST

Ngày 15/9/2020.

V/v: “*Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản*”.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN -TỈNH ĐẮK LẮK

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Sỹ Thành.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Đương Niê

2. Bà Lưu Thị Hằng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Đinh Ngọc Lương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 43/2020/TST- DS, ngày 18 tháng 5 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-DS, ngày 07/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST- DS ngày 25/8/2020. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà R.T – Sinh năm 1980.

Nơi cư trú: 290 H, phường T, Tp. B tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Th: sinh năm 1976

Nơi cư trú: 290 H, phường T, Tp. B tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

- Bị đơn: Vợ chồng Bà Đào Thị H, sinh năm 1983, ông Trương Hải H: sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Nguyên đơn bà R.T và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày:

Do có quen biết nhau, vào ngày 28 tháng 5 năm 2019, vợ chồng bà Đào Thị H, ông Trương Hải H đến nhà của bà R.T, tại số 290 H, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk vay với số tiền 73.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận đến ngày 04/10/2019 vợ chồng bà H, ông H phải trả cho bà R.T số tiền nợ gốc 43.000.000 đồng và đến ngày 04/11/2019 phải trả số tiền gốc còn lại 30.000.000 đồng. Mặc dù đã quá hạn cam kết trả nợ, nhưng vợ chồng bà H, ông H không thực hiện cam kết trả nợ theo giấy vay tiền. Do đó bà R.T khởi kiện yêu cầu Tòa án huyện Buôn Đôn giải quyết buộc vợ chồng bà H, ông H trả toàn bộ số tiền gốc

là 73.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 05/11/2019 đến ngày xét xử theo qui định của pháp luật là 6.286.000 đồng. Tổng cộng là 79.286.000 đồng.

Bị đơn vợ chồng bà Đào Thị H, ông Trương Hải H mặc dù đã được Tòa án giao hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng trốn tránh không đến Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn để giải quyết vụ án. Tòa án đã niêm yết hợp lệ thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vợ chồng bà H vẫn cố tình trốn tránh không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Sau khi niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy báo phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vợ chồng bà H, ông H vẫn cố tình trốn tránh không có mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ qui định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn thụ lý vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” nói trên là đúng qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn đã tuân theo đầy đủ pháp luật tố tụng. Đối với bị đơn vợ chồng bà Đào Thị H, ông Trương Hải H mặc dù đã được giao hợp lệ Thông báo việc thụ lý vụ án, niêm yết các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn cố tình trốn tránh không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

+ Về nội dung vụ án: Sau khi thẩm tra, xem xét chứng cứ là giấy vay tiền ngày 28/5/2019 mà nguyên đơn cung cấp là phù hợp với Kết luận giám định số 99//PC09, ngày 31/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đắk Lắk và phù hợp với ý kiến trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy có căn cứ xác định: Ngày 28/5/2019 vợ chồng bà Đào Thị H, ông Trương Hải H vay của bà R.T số tiền 73.000.000đ, hai bên không đề cập đến phần lãi. Bà H, ông H cam kết đến ngày 04/10/2019 sẽ trả cho bà R.T số tiền 43.000.000đ và đến ngày 04/11/2019 sẽ trả cho bà R.T số tiền 30.000.000đ còn lại. Tuy nhiên cho đến nay, mặc dù bà R.T đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà H, ông H vẫn cố tình không trả nợ. Bởi vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 463; khoản 1,4 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

- Chấp nhận đơn khởi kiện của bà R.T

Buộc vợ chồng bà Đào Thị H, ông Trương Hải H phải trả cho bà R.T số tiền gốc là 73.000.000 đồng; tiền lãi kể từ ngày chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ 05/11/2019 đến ngày xét xử là 6.286.000 đồng, tổng cộng là 79.286.000 đồng.

Về chi phí giám định: Chi phí giám định là 3.600.000 đồng, bà R.T đã nộp tạm ứng chi phí giám định 3.600.000 đồng. Theo kết luận giám định thì yêu cầu giám định của bà R.T là có căn cứ. Theo qui định tại khoản 1, 2 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự thì vợ chồng bà Đào Thị H, ông Trương Hải H phải chịu toàn bộ chi phí giám định. Vì vậy, cần buộc vợ chồng bà H, ông H phải hoàn trả cho bà R.T số tiền chi phí giám định 3.600.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn bà R.T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk giải quyết vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn vợ chồng bà Đào Thị H, ông Trương Hải H là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn vợ chồng bà Đào Thị H, ông Trương Hải H mặc dù đã được giao Thông báo việc thụ lý vụ án, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng bà H, ông H vẫn cố tình trốn tránh không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung vụ án*: Qua xem xét chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là 01 giấy vay tiền do vợ chồng bà Đào Thị H, ông Trương Hải H xác lập vào ngày 28/5/2019, có chữ ký của bà Đào Thị H, ông Trương Hải H thấy rằng:

Kết quả giám định chữ ký trên giấy vay nợ nói trên với chữ ký của bà Đào Thị H, ông Trương Hải H đã được thu thập hợp pháp. Kết luận giám định số 99/PC09 ngày 31/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận chữ ký và dòng chữ bên dưới ghi Đào Thị H là do cùng một người ký và viết ra. Chữ ký và dòng chữ bên dưới ghi Trương Hải H là do cùng một người ký và viết ra

Như vậy, qua các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 28/5/2019, vợ chồng bà Đào Thị H, ông Trương Hải H vay tiền bà R.T số tiền 73.000.000 đồng theo như nguyên đơn trình bày là có cơ sở. Mặc dù quá hạn cam kết (hạn trả nợ cuối cùng ngày 04/11/2019) và bà R.T cũng đã yêu cầu nhiều lần nhưng vợ chồng bà H, ông H cố tình không trả nợ là vi phạm qui định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà R.T cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, để buộc vợ chồng bà H, ông H phải trả nợ cho bà R.T số tiền gốc là 73.000.000 đồng là thỏa đáng.

- *Về nợ lãi*: Theo giấy vay tiền xác lập ngày 28/5/2019, hai bên không đề cập về nợ lãi. Như vậy, đây là trường hợp vay không lãi và theo qui định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự thì bên vay phải trả lãi với mức lãi suất theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự kể từ ngày chậm trả. Xét yêu cầu tính nợ lãi với lãi suất 10 %/năm tương ứng với thời gian chậm trả (ngày 05/11/2019 đến ngày xét xử 15/9/2020) của bà R.T là có căn cứ pháp luật, cần chấp nhận. Như vậy, vợ chồng bà Đào Thị H, ông Trương Hải H còn phải trả nợ lãi cho bà R.T cụ thể như sau: $73.000.000 \text{ đồng} \times (10\%/năm: 12 \text{ tháng}) \times 10 \text{ tháng} = 6.286.000 \text{ đồng}$ là thỏa đáng.

Tổng cộng, vợ chồng bà Đào Thị H, ông Trương Hải H phải trả cho bà R.T tổng số tiền tính đến ngày xét xử là 79.286.000 đồng.

[3] *Về chi phí giám định*: Chi phí giám định là 3.600.000 đồng, bà R.T đã nộp tạm ứng chi phí giám định 3.600.000 đồng. Theo kết luận giám định thì yêu cầu giám định của bà R.T là có căn cứ. Theo qui định tại khoản 1, 2 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự thì vợ

chồng bà Đào Thị H, ông Trương Hải H phải chịu toàn bộ chi phí giám định. Vì vậy, buộc vợ chồng bà H, ông Hưng phải hoàn trả cho bà R.T số tiền chi phí giám định 3.600.000đ là thỏa đáng.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên vợ chồng bà Đào Thị H, ông Trương Hải H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $79.284.000đ \times 5\% = 3.964.000$ đồng. Bà R.T không phải chịu án phí nên được trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1, 2 Điều 161; khoản 1 Điều 162; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463; khoản 1, 4 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà R.T.

Buộc vợ chồng bà Đào Thị H, ông Trương Hải H phải trả cho bà R.T số tiền nợ gốc là 73.000.000 đồng (bảy mươi ba triệu đồng) và khoản nợ lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tính đến ngày xét xử là 6.286.000 đồng (sáu triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng). Tổng cộng là 79.286.000 đồng (bảy mươi chín triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về chi phí giám định: Buộc vợ chồng bà Đào Thị H, ông Trương Hải H phải hoàn trả lại cho bà R.T số tiền 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) chi phí giám định.

3. Về án phí: + Buộc vợ chồng bà Đào Thị H, ông Trương Hải H phải nộp 3.964.000 đồng (ba triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà R.T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà R.T số tiền 1.998.500đ (một triệu chín trăm chín mươi tám nghìn năm trăm đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000647 ngày 14/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn;
- Lưu HS - VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.

(đã ký)

Nguyễn Sỹ Thành